



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ  
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 79/CECO-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

- Mã chứng khoán: CEC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 024.3845.5777

- Fax: 024.3823.2325

- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu - Kiểm soát viên.

2. Nội dung thông tin công bố:

*Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/4/2020 (đường dẫn: [www.ceco.com.vn/Quan hệ cổ đông/Báo cáo thường niên](http://www.ceco.com.vn/Quan hệ cổ đông/Báo cáo thường niên)).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Tài liệu gửi kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2019.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Trương Thị Minh Thu**





[www.ceco.com.vn](http://www.ceco.com.vn)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



Địa chỉ: Số 21A Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-4) 38455777 Fax: (84-4) 38232325  
Email: [engineering@ceco.com.vn](mailto:engineering@ceco.com.vn)





## MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	4
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
5. Định hướng phát triển.....	11
6. Các rủi ro.....	12
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2. Tổ chức và nhân sự.....	16
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	25
4. Tình hình tài chính.....	25
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	26
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	28
2. Tình hình tài chính.....	28
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	29
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	29
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	33
V. Quản trị Công ty.....	34
1. Hội đồng quản trị.....	34
2. Ban kiểm soát.....	38
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	42
VI. Báo cáo tài chính.....	43
1. Ý kiến kiểm toán.....	43
2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.....	44
(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này).....	44





**DANH SÁCH BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ**

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.....	15
Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2018.....	16
Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc.....	16
Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên.....	25
Bảng 5: Các công ty con, công ty liên kết của công ty.....	25
Bảng 6: Tình hình tài chính.....	26
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	26
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông.....	27
Bảng 9: Cổ đông lớn.....	27
Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	28
Bảng 11: Tình hình tài sản.....	28
Bảng 12: Nợ phải trả.....	28
Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.....	30
Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT.....	34
Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	38
Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS năm 2017.....	43
Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ.....	43
Sơ đồ 1: Mô hình quản trị.....	6





## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019.
- Vốn điều lệ: 59.770.360.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.770.360.000 đồng
- Địa chỉ: 21A, Cát Linh, P.Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
- Số điện thoại: 84-(024)-3845 5777
- Số fax: 84-(024)-3823 2325
- Website: <http://ceco.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CEC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Năng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112 CP thành lập Viện thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc.

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

- Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSĐT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Năng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày



24/10/2005) hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Ngày 01/04/2006, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và quy định của Luật Doanh nghiệp với mức vốn điều lệ ban đầu là 8.000.000.000 đồng.

Ngày 16/5/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520.000 đồng.

Ngày 29/05/2012, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập và vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất với sự tham dự của Ông Nguyễn Nam Hải - Thứ trưởng Bộ Công Thương. Trước niềm vinh dự lớn lao và tự hào này, Công ty cố gắng phấn đấu tiếp tục phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được, đoàn kết nhất trí, đẩy mạnh lao động sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và phấn đấu đứng trong nhóm các công ty tư vấn kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam.

Ngày 08/02/2013, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

Ngày 28/02/2014, Sở GDCK chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.988.518 cổ phần.

Ngày 20/09/2016, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 59.770.360.000 đồng.

Ngày 02/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 5.977.036 cổ phần.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **❖ Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu và phát triển; triển khai các dự án khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền công nghệ;

- Tư vấn xây dựng; tư vấn quy hoạch phát triển ngành; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật; tư vấn giám sát; cung cấp dịch vụ quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật;

- Khảo sát, thiết kế, hướng dẫn thi công;

- Kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng công trình;

- Cung cấp dịch vụ môi trường;

- Tổng thầu các dự án tích hợp.

#### **❖ Địa bàn kinh doanh:**

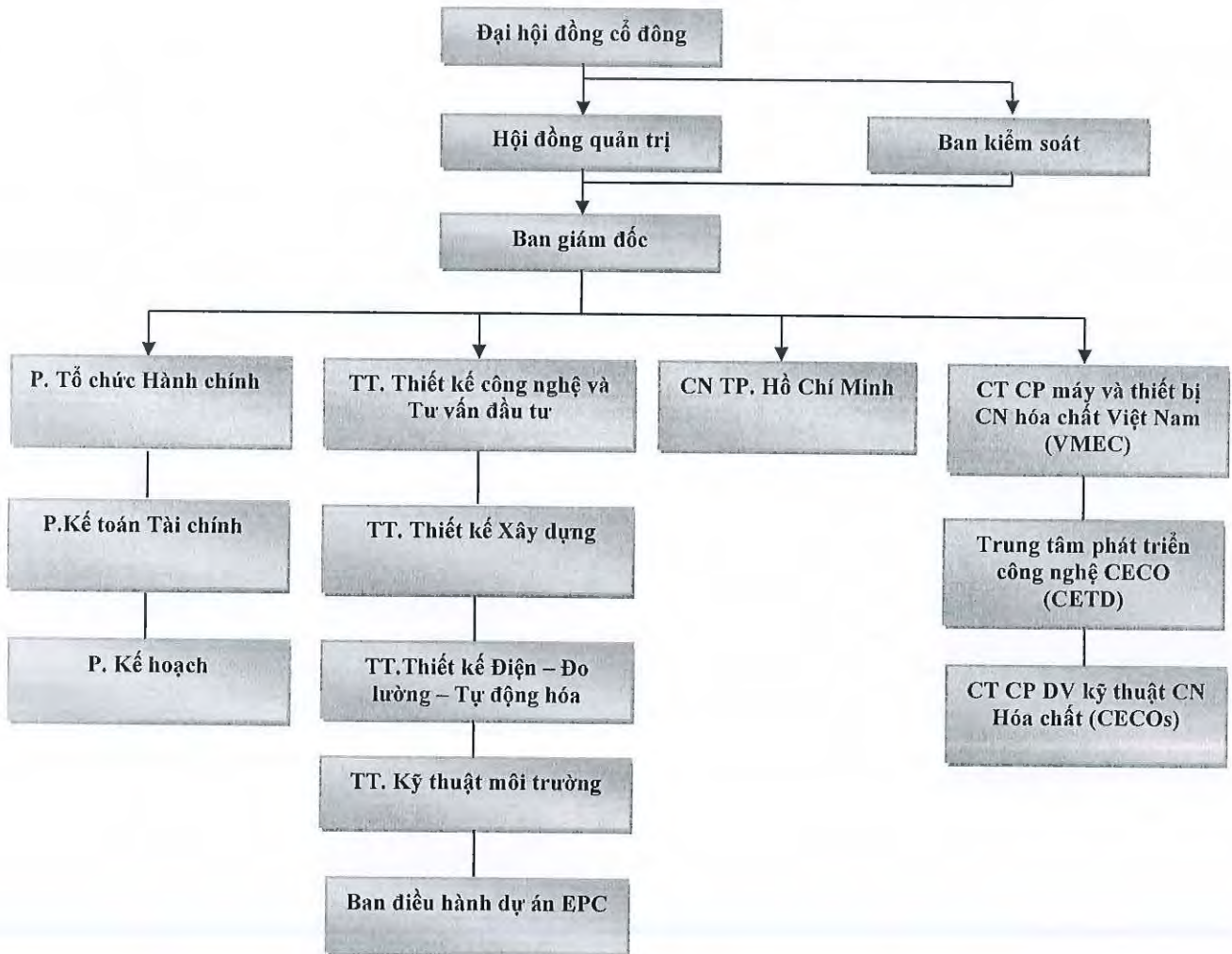
Địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước, tập trung ở các tỉnh: Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh, Cà Mau.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.



- Điều lệ Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015, sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 24/5/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất có ba (03) thành viên bao gồm một (01) Chủ tịch HĐQT, một (01) Phó Chủ tịch HĐQT và một (01) thành viên HĐQT. Danh sách thành viên HĐQT hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Ông Nguyễn Thủy Nguyên
2	Phó Chủ tịch	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
3	Thành viên	Ông Vũ Minh Ngọc

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Ngày 23/12/2019, căn cứ kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ĐHĐCĐ đã ban hành Nghị quyết số 206/NQ-CECO chấp nhận đơn xin từ nhiệm Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên đối với bà Trương Thanh Vân. ĐHĐCĐ cũng thông qua phương án giữ nguyên cơ cấu 02 kiểm soát viên và sẽ tiến hành bầu bổ sung 01 kiểm soát viên tại hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020. Danh sách thành viên Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Kiểm soát viên	Bà Trương Thị Minh Thu
2	Kiểm soát viên	Bà Trần Thị Minh Trang



❖ Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm, cơ cấu Ban Giám đốc có sự thay đổi, HĐQT đã bổ nhiệm thêm một (01) Phó Giám đốc (ông Lưu Ngọc Vĩnh) và cử Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc (ông Nguyễn Mạnh Hùng); Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Phó Giám đốc có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, do còn nhiều công việc dở dang liên quan nên các bên chưa thống nhất được việc chấm dứt hợp đồng. Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
2	Phó giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh
4	Phó giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
5	Phó giám đốc	Ông Lưu Ngọc Vĩnh

❖ Các phòng ban chức năng:

⚡ Phòng Tổ chức Hành Chính

- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, quản lý nguồn nhân lực (tuyển dụng, đào tạo) và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động;
- Công tác pháp chế, quan hệ cổ đông (bao gồm thư ký Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban lãnh đạo công ty);
- Kiểm soát nội bộ (bao gồm kiểm toán nội bộ);
- Quản lý thông tin (bao gồm thư viện); Truyền thông nội bộ;
- Công tác hành chính văn phòng, lễ tân, khánh tiết, hậu cần;
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, công tác đầu tư;
- Thực hiện các dịch vụ hành chính nội bộ (xuất bản, giao nhận tài liệu, sửa chữa bảo trì, phát thanh, ghi hình, quản lý cơ sở vật chất...).

⚡ Phòng Kế toán tài chính

- Thực hiện công tác tài chính, công tác kế toán;
- Giúp Giám đốc công ty quản lý tài sản, nguồn vốn của công ty;
- Công tác thống kê và phân tích các hoạt động kinh tế.

⚡ Phòng Kế hoạch

- Chào giá, dự thầu;
- Giúp Giám đốc công ty điều độ sản xuất, giao nhiệm vụ hợp đồng;
- Quản lý hợp đồng sản xuất, quản lý giá;
- Duy trì và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng toàn công ty;

- Xây dựng thương hiệu, xây dựng văn hóa Công ty;
- Xây dựng chiến lược phát triển;
- Marketing cơ sở dữ liệu;
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh (ngắn hạn và dài hạn);
- Quản lý công tác khoa học công nghệ và công tác nghiên cứu phát triển;
- Quan hệ công chúng, hợp tác chiến lược;
- Quản lý và theo dõi thực hiện các Ban điều hành dự án EPC;
- Lập, thẩm tra dự toán, tính toán hiệu quả kinh tế của dự án; Quản lý nhóm kinh tế dự toán.

↓ *Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư*

- Thực hiện các dự án/ hợp đồng tư vấn đầu tư (lập FS, quy hoạch, chiến lược ngành, ...)

- Thực hiện thiết kế phần công nghệ, thiết bị, cơ khí;
- Kiểm soát chất lượng (QC) phần đơn vị thực hiện;
- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất ngành hóa chất và liên quan.

↓ *Trung tâm Thiết kế Xây dựng*

- Thực hiện thiết kế phần xây dựng, kiến trúc, HVAC...;
- Thiết kế các công trình phụ trợ khác;

↓ *Trung tâm Thiết kế Điện - Đo lường - Tự động hóa*

- Thực hiện thiết kế, lập dự toán phần điện, đo lường, tự động hóa;
- Kiểm soát chất lượng (QC) phần đơn vị thực hiện;

↓ *Trung tâm Kỹ thuật môi trường*

- Thực hiện thiết kế phần nước, hệ thống cấp thải nước, phòng cháy chữa cháy;
- Kiểm soát chất lượng (QC) phần đơn vị thực hiện;
- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

↓ *Ban điều hành dự án EPC*

- Thực hiện các công tác quản lý dự án, thi công, thực hiện các hợp đồng EPC lớn, có thành lập các Ban điều hành dự án tập trung.

↓ *Các đơn vị trực thuộc*

Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Trụ sở tại: 37/76 Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng giao dịch tại: Lầu 8, 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

### 4.3. Các công ty con, công ty liên kết.





⚡ Trung tâm Phát triển công nghệ CECO

- Trụ sở chính: 21A Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Vốn điều lệ: 1.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: một tỷ sáu trăm triệu đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh:

+ Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học, chế tạo máy, vật liệu trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hóa dược, dầu khí, thực phẩm, chế biến khoáng sản, năng lượng và môi trường.

+ Dịch vụ khoa học công nghệ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thí nghiệm; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Tham gia đào tạo, Thông tin khoa học và công nghệ; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trên.

+ Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm là kết quả của quá trình nghiên cứu trong lĩnh vực trên.

⚡ Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam

- Trụ sở chính: Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 22.425.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại; sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

⚡ Công ty cổ phần CECO Hà Nội

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 8.400.000.000 đồng (*Bằng chữ: tám tỷ bốn trăm triệu đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 36,4% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ thi công xây lắp nhỏ, sửa chữa chống ăn mòn các nhà máy hoá chất, sản xuất phân bón và khoáng sản.

⚡ Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 51% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp, sửa chữa, bảo trì các nhà máy nhiệt điện khu vực Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh.

⚡ Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt (tên cũ là Công ty CP Công nghiệp hóa chất Tây Ninh)

- Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân

Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: một trăm hai mươi tỷ đồng*)

Ti lệ sở hữu của CECO: 1,14% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất phân bón.

### 5. Định hướng phát triển

↓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên tập trung trí tuệ, luôn đổi mới nhận thức, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, với cơ cấu giá trị hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ môi trường. Công ty đã và đang hướng tới những dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất, phân bón, khai thác khoáng sản và các công trình công nghiệp khác liên quan.

- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.

- Phấn đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ đông năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ các đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.

- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và dịch vụ môi trường.

↓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác chi đạo, quản lý chất lượng, tiến độ các dự án đặc biệt là các dự án EPC.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có thể mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

↓ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, tư vấn và định hướng cho khách hàng tiếp cận công nghệ sạch, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất phân bón và đổi mới công nghệ trong sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tích cực tham gia các phong trào vì trách nhiệm xã hội và cộng đồng do Bộ Công thương, Tập đoàn Hóa chất VN và địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở phát động.



## 6. Các rủi ro

### 6.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

#### ↳ Tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2019 ước tính tăng 6,97% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,62%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,92% và khu vực dịch vụ tăng 8,09%. Trên góc độ sử dụng GDP quý IV/2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,29% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 8,28%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 5,05%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,71%.

GDP năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cùng nỗ lực thực hiện để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

#### ↳ Lãi suất

Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản điều chỉnh giảm lãi suất có hiệu lực từ ngày 19/11/2019. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 6,5%/năm xuống 6%/năm. Nhiều ngân hàng thương mại đã đồng loạt công bố giảm lãi suất cho vay góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Hiện mặt bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,2%-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng

Trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi ổn định, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung có



ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. Do đó những dự báo về triển vọng phát triển trong tương lai cũng như những kế hoạch kinh doanh đã đề ra của CECO có thể thay đổi theo biến động của nền kinh tế.

#### ↓ Thị trường:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch.

Các dự án đầu tư nói chung và các dự án về sản xuất công nghiệp nói riêng giảm đáng kể do đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc cạnh tranh cơ hội tiếp cận các dự án của CECO. Hiện nay cũng đã xuất hiện rất nhiều các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam có quy mô tương tự hoặc lớn hơn, có năng lực và trình độ chuyên nghiệp tham gia vào thị trường tư vấn thiết kế, mua sắm và thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Phân bón và Hóa chất đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bền vững, không có dự án gói đầu nên gặp khó khăn khi dự án này tạm dừng hoặc dừng thực hiện.

Cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp đã cổ phần mà nhà nước chiếm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

#### 6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các chính sách có liên quan của Chính phủ. Nhìn chung, với hệ thống luật pháp và chính sách đã và đang được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, nhất quán như hiện nay sẽ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế cũng như đáp ứng được các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Điều này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình hoạt động, CECO nói riêng và các doanh nghiệp trên cả nước nói chung luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi chính sách áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng



nhất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ thống các qui định của pháp luật do nhà nước ban hành thay đổi quá nhiều (đặc biệt là Luật Đấu thầu; Luật Xây dựng; các Nghị định, Thông tư về quản lý dự án ĐTXDCT, quản lý chất lượng, hợp đồng, quản lý chi phí, quy định về chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn, của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng ...), đặc biệt các gói thầu xây lắp có giá trị < 5 tỷ chỉ các công ty nhỏ và siêu nhỏ được thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án mà Công ty đã tiếp thị trước đây.

Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

Công ty là công ty đại chúng, đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty phải thực hiện các quy định công bố thông tin theo các văn bản luật, các Thông tư hướng dẫn liên quan rất chặt chẽ.

### 6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các công ty thiết kế.

- Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

### 6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

của công ty. Vì vậy, công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà công ty cho là phù hợp.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do tác động của dự án NPK, dự án muối Lào làm ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty, tiến độ dự án EPC NPK Đạm Cà Mau vẫn bị chậm so với kế hoạch mặc dù công ty đã tập trung toàn bộ các nguồn lực để thực hiện dự án.

Với giá trị Hợp đồng tư vấn ký kết với giá trị khoảng 35,3 tỷ cùng với một số hợp đồng chuyển sang từ 2018 nhưng chỉ đảm bảo việc làm cho khối sản xuất trong 6 tháng đầu năm. Đến Quý III và đặc biệt là Quý IV khối lượng công việc các dự án đã hoàn thành do vậy nhân lực của các bộ phận sản xuất dôi dư. Trong Quý III và Quý IV chủ yếu thực hiện các công tác tiếp thị, chào giá, đấu thầu để tìm kiếm công việc gói đầu cho năm 2020.

Sản lượng và doanh thu của công ty năm 2019 giảm nhiều so với năm 2018. Doanh thu đến 31/12/2019 chỉ đạt 87,02% (trong đó doanh thu của dự án EPC Đạm Cà Mau nghiệm thu trong năm 2019 là 227 tỷ đồng, lũy kế 509 tỷ đồng), lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm, lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 27,56% so với năm 2018, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều không đạt so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.

**Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019**

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Tỷ lệ so với 2018 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	588.897.841.175	506.881.244.595	86,07
2	Doanh thu thuần	403.989.453.488	335.036.759.866	82,93
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.957.220.081	(349.430.438)	-5,87
4	Lợi nhuận khác	50.746.969	2.044.961.762	4029,72
5	Lợi nhuận trước thuế	6.007.967.050	1.695.531.324	28,22
6	Lợi nhuận sau thuế	4.620.853.476	1.273.344.506	27,56
7	Tỷ lệ cổ tức (%)/ mệnh giá cổ phần	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019)



**Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2019 (công ty mẹ)**
*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Giá trị HD ký kết năm 2019	Số lượng	Năm 2019		
				Thực hiện	Nghiệm thu	Đã được thanh toán
1	Văn phòng Công ty	32,273	14	28,881	23,590	23,923
2	Chi nhánh HCM	3,064	17	2,211	1,932	1,257
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35,338</b>	<b>31</b>	<b>31,092</b>	<b>25,522</b>	<b>25,180</b>

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020)*
**2. Tổ chức và nhân sự**
**2.1. Danh sách Ban giám đốc và lý lịch các thành viên**

## ❖ Danh sách thành viên Ban Giám đốc

**Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc**

STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
2	Phó giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh
4	Phó giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
5	Phó giám đốc	Ông Lưu Ngọc Vĩnh

## ❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Nguyễn Công Thắng
Số CMND	: 011637754 ngày cấp: 28/10/2004 tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 26/04/1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: TP Thái Bình- tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	: Số 3, ngõ 63, đường Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Số 23.03 nhà Central 3 khu Vinhomes Central Park, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Máy và TBCN Hóa chất – Dầu khí

**Quá trình công tác**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1996 đến tháng 4/1999	: Nhân viên Phòng Thiết kế công nghệ CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 5/1999 đến	: Trưởng phòng kinh tế nghiệp vụ CN CTCP Thiết kế



tháng 3/2006	:	công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/2008	:	Trưởng phòng cung ứng CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2009	:	Phó Giám đốc CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2012	:	Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012	:	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 02/2012 đến tháng 03/2012	:	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Máy và Thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC)
Tháng 5/2014	:	Từ nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị VMEC.
Từ tháng 4/2012 đến tháng 01/2015	:	Giám đốc Chi nhánh CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2015 đến tháng 2/2018	:	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 03/2018 đến 04/2018	:	Thành viên HĐQT, Giám đốc kiêm Trưởng phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2018 đến 10/2019	:	Giám đốc kiêm Trưởng phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 11/2019 đến nay	:	Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu – chiếm 0,02% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không





Thù lao và các khoản : Hưởng lương theo Quy chế Lương.  
lợi ích khác  
Lợi ích liên quan đối : Không  
với Công ty

Họ và tên : **Văn Đức Thắng**  
Số CMND : 011076611. Ngày cấp: 23/10/2001 tại Công an Hà Nội.  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 23/3/1964  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Hải Phú – Hải Lăng – Quảng Trị  
Địa chỉ thường trú : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội  
Chỗ ở hiện tại : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

**Quá trình công tác****Thời gian****Quá trình công tác**

Từ tháng 6/1987 : Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng CTCP Thiết kế  
đến tháng 6/2002 : công nghiệp hóa chất.  
Từ tháng 7/2002 : Phó phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế  
đến tháng 3/2006 : công nghiệp hóa chất .  
Từ tháng 4/2006 : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế  
đến tháng 10/2008 : công nghiệp hóa chất .  
Từ tháng 11/2008 : Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.  
đến nay  
Từ tháng 11/2015 : Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất;  
đến 02/2018 : Chủ tịch HĐQT công ty CP CECO Hà Nội  
Từ tháng 03/2018 : Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế  
đến 10/2019 : Tổng hợp thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa  
chất; Chủ tịch HĐQT công ty CP CECO Hà Nội  
Từ tháng 11/2019 : Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế  
đến nay : Xây dựng thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất  
Chức vụ công tác : Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế  
hiện nay : Xây dựng thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất  
Chức vụ đang nắm : Chủ tịch HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội  
giữ tại tổ chức khác



Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội. Hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	:	<b>Nguyễn Hồng Hạnh</b>
Số hộ chiếu	:	B3429729 cấp ngày 04/09/2009 tại Cục XNC Việt Nam
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	28/01/1976
Quốc tịch	:	Việt Nam
Quê quán	:	Thái Nguyên
Hộ khẩu thường trú	:	P.516A, nhà C5, Khu tập thể Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:	A1103, Chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư kinh tế hóa chất

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ tháng 6/1997 đến tháng 8/2009	: Kỹ sư - Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 7/2011	: Phó trưởng phòng – Phòng Quản lý thông tin và Đấu thầu thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến	: Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc





tháng 12/2011	Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2013	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 11/2013 đến tháng 7/2014	Phó trưởng phòng - Phòng Dự án DAP2 thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2014	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2014 đến tháng 04/2016	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 05/2016 đến 02/2018	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 03/2018 đến 02/2019	Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 03/2019 đến nay	Phó giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không.
Số cổ phần nắm giữ	- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không



Họ và tên	: Nguyễn Mạnh Hùng
Số CCCD	: 001061005738 Ngày cấp: 25/03/2016 Tại: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1961
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phường Cự khôi, Quận Long Biên, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số 26, Ngách 75, ngõ Thịnh Hòa 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ năm 1985 đến tháng 9/2000	: Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 10/2000 đến tháng 12/2007	: Phó phòng Thiết kế Xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ năm 2008 đến tháng 1/2011	: Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 2/2011 đến tháng 6/2011	: Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2011	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 4/2011 đến tháng 02/2018	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 3/2018 đến tháng 4/2018	: Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 4/2018 đến 04/2019	: Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 5/2019 đến 10/2019	: Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 11/2019 đến nay	: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không.





- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 36.400 cổ phiếu – chiếm 0,61% vốn điều lệ  
 – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% VDL.
- Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Hưởng lương theo quy chế, không có thù lao.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên	: <b>Lưu Ngọc Vĩnh</b>
Số CCCD	: 001071003114. Ngày cấp: 05/11/2015. Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07/11/1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	: Hà Nội.
Hộ khẩu thường trú	: Số nhà 82 phố Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	: Tòa Park Hill 11, Chung cư Time City, 458 Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội, Hà Nội .
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư hóa hữu cơ

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ tháng 6/1996 đến tháng 11/2001	: Kỹ sư thiết kế - Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 12/2001 đến tháng 02/2003	: Kỹ sư thiết kế, Chủ nhiệm dự án – Trung tâm Tư vấn đầu tư thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 3/2003 đến	: Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư thuộc Công ty CP



tháng 6/2006	Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/2009	Phó Trưởng phòng - Phòng Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 4/2009 đến tháng 4/2011	Trưởng phòng - Phòng Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 5/2011 đến tháng 4/2014	Trưởng phòng - Phòng Công nghệ Thiết bị Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2018	Trưởng phòng - Phòng Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 3/2018 đến 10/2019	Giám đốc Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư thuộc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 10/2019 đến nay	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư thuộc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần EHOME Hà Nội.
Số cổ phần nắm giữ	- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.025 cổ phiếu – chiếm 0,034% vốn điều lệ. - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không



## 2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Nguyễn Thị Thủy
Số CMND	: 184141030 ngày cấp: 23/3/2018 tại: Công an tỉnh Hà Tĩnh
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 02/4/1994
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh
Hộ khẩu thường trú	: Khối 9, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện tại	Đại Kim Building, P.Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính ngân hàng.

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ tháng 8/2017 đến tháng 10/2019	: Kế toán viên tại Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường.
Từ tháng 11/2019 đến tháng 4/2020	: Phó trưởng Phòng Kế toán Tài chính - CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ 10/4/2020 đến nay	: Kế toán trưởng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Kế toán trưởng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không.
Số lượng cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. : – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

## 2.3. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Bà Nguyễn Hồng Hạnh có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động vào tháng



02/2019. Tuy nhiên, hiện vẫn còn các công việc dở dang chưa giải quyết xong nên các bên chưa hoàn thành các thủ tục chấm dứt hợp đồng.

- Ngày 08/10/2019, Hội đồng quản trị ban hành quyết định bổ nhiệm ông Lưu Ngọc Vinh giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

- Ngày 29/10/2019, Hội đồng quản trị ban hành quyết định giao ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

- Ngày 10/4/2020, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 29/QĐ-CECO và Quyết định số 30/QĐ-CECO trong đó miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Đinh Đức Bộ theo Đơn xin từ nhiệm và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thủy – Phó Phòng Kế toán Tài chính thay ông Bộ giữ nhiệm vụ Kế toán trưởng Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất.

#### 2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên.

**Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên**

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ trên đại học	22
2	Trình độ đại học, cao đẳng	89
3	Trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật khác	05
<b>Tổng cộng</b>		<b>116</b>

(Nguồn: Danh sách lao động tại thời điểm 31/12/2019)

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các công ty con:

**Bảng 5: Các công ty con, công ty liên kết của công ty**

STT	Công ty con	Lợi ích và quyền biểu quyết của công ty	
		Năm 2018	Năm 2019
1	CTCP Máy và TBCN hóa chất Việt Nam	55,33%	55,33%
2	Công ty cổ phần CECO Hà Nội	36,40%	36,40%
3	CTCP DVKT Công nghiệp hóa chất	51,00%	51,00%
4	Trung tâm phát triển công nghệ CECO	100,00%	100,00%
5	Công ty Cổ phần Công nghiệp hóa chất Tây Ninh (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt)	1,14%	1,14%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019)

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính



**Bảng 6: Tình hình tài chính**

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Tỷ lệ so với 2018 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	588.897.841.175	506.881.244.595	86,07
2	Doanh thu thuần	403.989.453.488	335.036.759.866	82,93
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.957.220.081	(349.430.438)	-5,87
4	Lợi nhuận khác	50.746.969	2.044.961.762	4029,72
5	Lợi nhuận trước thuế	6.007.967.050	1.695.531.324	28,22
6	Lợi nhuận sau thuế	4.620.853.476	1.273.344.506	27,56
7	Tỷ lệ cổ tức (%)/ mệnh giá cổ phần	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

**Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	1,18	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,76	0,68	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	83,15	80,2	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	493,40	405,3	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,69	0,66	
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	1,97	1,58	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,14	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,66	0,012	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,78	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,47	-0,001	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019)

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.977.036 cổ phần.



- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 5.977.036 cổ phần.
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty

**Bảng 8: Cơ cấu cổ đông**

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông Nhà nước (Tập đoàn Hóa chất VN)</b>	<b>01</b>	<b>1.787.492</b>	<b>29,91%</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>			
2.1	Tổ chức trong nước (không tính Tập đoàn Hóa chất VN)	03	1.493.883	24,99%
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0	0%
<b>3</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>			
3.1	Cá nhân trong nước	89	2.695.661	45,10%
3.2	Cá nhân nước ngoài	0	0	0%
<b>Tổng cộng</b>		<b>93</b>	<b>5.977.036</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 05/3/2020)

- Thông tin chi tiết cổ đông lớn

**Bảng 9: Cổ đông lớn**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</b>	<b>Số 1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội</b>	<b>0100100061</b>	<b>1.787.492</b>	<b>29,91%</b>
<b>2</b>	<b>Dương Thị Huyền Quyên</b>	<b>33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam</b>	<b>017389681</b>	<b>1.011.626</b>	<b>16,92%</b>
<b>3</b>	<b>Đông Thị Thắm</b>	<b>Chung cư HH1B Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội</b>	<b>060845279</b>	<b>799.212</b>	<b>13,37%</b>
<b>4</b>	<b>Nguyễn Thủy Nguyên</b>	<b>33 Phan Chu Trinh Hoàn Kiếm Hà Nội</b>	<b>001058007111</b>	<b>570.883</b>	<b>9,55%</b>
<b>5</b>	<b>Công ty TNHH Liên hợp xây dựng Vạn Cường</b>	<b>Nhà số 1, khu ga Đỗ Xá, Xã Minh Cường, Huyện Thường Tín, Hà Nội</b>	<b>0500297165</b>	<b>1.485.882</b>	<b>24,86%</b>
<b>Tổng cộng</b>				<b>5.655.095</b>	<b>94,61%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 05/3/2020)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có



**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**
**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
**Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**
*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	Tỷ lệ % TH/KH 2019	Tỷ lệ % TH 2019/2018
Tổng doanh thu	406.657	385.000	336.975	87,53%	82,86%
Lợi nhuận trước thuế	6.008		1.695		28,21%
Thuế TNDN	1.387		422		30,43%
Lợi nhuận sau thuế	4.621	8.500	1.273	14,98%	27,55%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020)

**2. Tình hình tài chính**
**a) Tình hình tài sản**
**Bảng 11: Tình hình tài sản**

TT	Nội dung	Năm 2018 (ĐVT: đồng)	Năm 2019 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%) (Tăng, giảm)
1	Tổng tài sản	588.897.841.175	506.881.244.595	86,07%
2	Tài sản ngắn hạn	562.580.512.647	481.466.912.262	85,58%
3	Phải thu ngắn hạn	301.567.051.038	234.898.212.078	77,89%
4	Tài sản dài hạn	26.317.328.528	25.414.332.333	96,57%
5	Phải thu dài hạn	52.842.865	277.764.033	525,64%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019)

**b) Tình hình nợ phải trả**
**Bảng 12: Nợ phải trả**

TT	Nội dung	Năm 2018 (ĐVT: đồng)	Năm 2019 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%) (Tăng, giảm)
<b>I</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>489.598.217.663</b>	<b>406.581.066.577</b>	<b>83,04%</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	109.831.694.360	120.561.677.840	109,77%
2	Phải trả người bán	33.107.393.440	66.705.990.134	201,48%
3	Người mua trả tiền trước	213.144.482.439	186.160.221.328	87,34%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.398.996.972	2.233.028.175	21,47%
5	Phải trả người lao động	2.355.892.988	4.079.018.662	173,14%



TT	Nội dung	Năm 2018 (ĐVT: đồng)	Năm 2019 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%) (Tăng, giảm)
6	Chi phí phải trả	119.830.283.907	24.693.598.842	20607.14%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	673.828.870	1.891.886.909	280.77%
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	255.644.687	255.644.687	100.00%
<b>II</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>57.760.000</b>	<b>0</b>	<b>0.00%</b>
1	Phải trả dài hạn khác			
2	Vay dài hạn	57.760.000	0	0.00%
3	Quỹ dự phòng phải trả dài hạn			
4	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
<b>III</b>	<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>489.655.977.663</b>	<b>406.581.066.577</b>	<b>83.03%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị nhiệm đã có quyết định sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cán bộ như sau:

- Thành lập mới, tổ chức các đơn vị/bộ phận:
  - + Phòng Tổ chức Hành chính;
  - + Phòng Kế toán Tài chính
  - + Phòng Kế hoạch;
  - + Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư;
  - + Trung tâm Thiết kế Xây dựng
  - + Trung tâm Thiết kế Điện – Đo lường – Tự động hóa;
  - + Trung tâm Kỹ thuật Môi trường
- Quyết định bổ nhiệm, giao kiêm nhiệm cán bộ lãnh đạo, điều hành: 02 phó giám đốc công ty; 06 cấp trưởng đơn vị; gần 10 cấp phó đơn vị và tương đương.
- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.
- Sắp xếp, bố trí lại lao động của khối gián tiếp cho phù hợp nhằm giảm biên lao động khối gián tiếp phù hợp với cơ cấu lao động.
- Điều động nhân sự khối trực tiếp phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Bố trí nhân lực hợp lý nhằm đảm bảo công tác an sinh, xã hội.



#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

##### 4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2020 sẽ hoàn thành theo tiến độ như sau:

**Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

TT	Nội dung	Công ty mẹ	Công ty con	Tổng cộng	Ghi chú
1	<b>Doanh thu SXKD</b>	<b>65,000</b>	<b>28,000</b>	<b>93,000</b>	chưa bao gồm VMEC
	Tư vấn	15,000	3,000	18,000	
	Thi công, xây lắp	50,000	25,000	75,000	
2	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	-	<b>1,224</b>	<b>1,224</b>	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020)

##### 4.2 Marketing và hợp tác phát triển

Đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2020.

Tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

Duy trì quảng bá thương hiệu cả bên trong (nội bộ Công ty) và bên ngoài (đối với Khách hàng), xây dựng văn hóa công ty.

Mở rộng quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty, lập kế hoạch chăm sóc khách hàng, tập trung vào các khách hàng ngoài ngành.

Tích cực hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước đặc biệt là các đơn vị khoa học kỹ thuật trong nước, nhà cung cấp công nghệ nước ngoài, các nhà thầu EPC lớn trong khu vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn trong và ngoài ngành.

##### 4.3 Nhân lực

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.

- Thiết lập cơ cấu tổ chức điều hành để duy trì và triển khai Hệ thống quản lý tích hợp mà công ty đã được đánh giá tái chứng nhận trong năm 2018.

- Duy trì và phát triển nguồn nhân lực chủ chốt, có chuyên môn sâu.

- Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2020, trong đó chú trọng phương án giữ chân người lao động có chuyên môn nghiệp vụ yên tâm làm việc lâu dài tại Công ty.

- Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo năm 2020.

##### 4.4 Tài chính

- Làm việc với ngân hàng về việc cấp giới hạn tín dụng cho Công ty năm 2020.

- Cân đối đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và các khoản chi thường xuyên tại Công ty.



- Hoàn thiện các công việc có liên quan đến việc tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

- Lập kế hoạch tài chính năm 2020

#### 4.5 Quản lý khoa học kỹ thuật, chất lượng

- Tiếp tục rà soát, cập nhật và xây dựng bổ sung văn bản HTQLTH và toàn bộ văn bản quản trị Công ty;
- Tổ chức Họp Xem xét của lãnh đạo về HTQLTH; Tổ chức đánh giá nội bộ HTQLTH;
- Duy trì theo dõi, tham gia công tác QA cho dự án NPK Cà Mau theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty;
- Dự thảo các Mục tiêu CL, MT, AT&SKNN năm 2020 của Công ty;

#### 4.6. Pháp chế và kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

##### a) Công tác pháp chế

- Hoàn thành việc xây dựng quy chế trả lương khoán và quy chế thực hiện hợp đồng;
- Tư vấn các vấn đề pháp lý cho các dự án đang triển khai của Công ty;
- Tham gia đấu tranh pháp lý tại Trọng tài, Tòa án cho Dự án EPC Muối Lào;
- Công bố thông tin theo quy định;
- Hoàn thành việc bổ sung năng lực hoạt động “Tư vấn quản lý dự án” hạng 1 cho Công ty;
- Hoàn thành việc nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ năng lực hoạt động về dân dụng hạng 2 tại Sở Xây dựng Hà Nội.

#### 4.7 Tin học, Thư viện

- Đề xuất nâng cấp giao diện và nội dung website Công ty;
- Đề xuất trang bị 01 máy chủ dự phòng và tăng dung lượng ổ cứng lưu trữ;
- Hoàn thiện modul báo cáo tuần trên Weboffice;
- Duy trì tốt công tác truyền thông nội bộ, đảm bảo cập nhật thông tin thường xuyên và hàng ngày liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt đoàn thể và các mặt có liên quan khác.
- Duy trì và cập nhật kịp thời các văn bản pháp quy nhà nước và của địa phương liên quan đến mọi mặt tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Cải tiến công tác quản lý Thư viện và Lưu trữ.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện Nghị quyết của ĐHDCTD và các quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD và các công việc quản trị công ty năm 2019, cụ thể như:





- Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị ĐHCĐ thường niên năm 2019 tại Hà Nội vào ngày 25/4/2019; Hội nghị người lao động năm 2019.

- Xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến việc khởi kiện của Dự án Muối Lào và các biện pháp chống thu bảo lãnh tiền tạm ứng của dự án, tổ chức triển khai hợp đồng EPC dự án NPK Cà Mau và các công việc tư vấn khác.

- Hoàn thành lập Báo cáo tài chính năm 2019 và thực hiện kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính tổng hợp các quý, 6 tháng, năm.

- Việc công bố thông tin đã thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật.

Để thực hiện nghị quyết Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019 và các quyết định của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo, đôn đốc Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành của Công ty, nổi bật là các nội dung sau:

- Tổ chức sơ kết, đánh giá hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm; Lập kế hoạch SXKD hàng quý trình HĐQT, BKS theo Điều lệ quy định.

- Cải tiến công tác kế toán quản trị, dự báo tài chính và quản lý chi phí như việc lập kế hoạch dòng tiền, phân tích và đưa ra dự báo các chỉ số tài chính, các khuyến cáo để GDCT nắm bắt và xử lý kịp thời.

- Bám sát mục tiêu SXKD đề ra để điều độ, đánh giá và quyết định kịp thời tại các cuộc họp giao ban tháng, quý.

- Đẩy mạnh việc đấu tranh pháp lý dự án Muối Lào

- Tập trung mọi nguồn lực, thúc đẩy hoàn thành công việc vật chất, chạy thử và bàn giao công trình NPK Cà Mau.

- Tập trung nhân sự vào làm việc trực tiếp tại công trường cho dự án Đạm Cà Mau, tiếp tục đôn đốc tiến độ thực hiện dự án, hoàn thành chạy thử 72h.

- Tiếp cận, chào giá các gói thầu của Long Vương, Hyosung, Inoue....để có công việc gói đầu cho các tháng cuối năm.

- Rà soát, tiếp tục thu hồi công nợ, đặc biệt với các dự án tồn đọng đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các hợp đồng đang thực hiện.

- Giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến dự án Muối mở Lào.

- Ban hành Quy chế thực hiện hợp đồng và Quy chế lương trong Quý II/2020.

- Đôn đốc công tác tiếp thị tại văn phòng Công ty và các Công ty con để đảm bảo có công việc gói đầu và doanh thu đã đề ra.

- Tái cơ cấu các bộ phận, cắt giảm nhân sự đôi dư.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

- Công tác cổ đông, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo Luật Doanh nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến Công ty đại chúng, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời;



- Thực hiện chức năng giám sát tài sản và vốn Công ty;
  - Phối hợp hoạt động với Đảng ủy, Công đoàn, Ban kiểm soát và GDCT.
  - Tái cấu trúc công ty về mặt lao động và bộ máy.
  - Xây dựng bộ máy và chỉ đạo công tác phát triển nguồn nhân lực
    - Lãnh đạo công tác xây dựng quy chế, quy định nội bộ
    - Chỉ đạo chặt chẽ công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng - đào tạo, cụ thể:
      - + Thành lập mới, tổ chức các đơn vị/bộ phận: 07 đơn vị được tái cấu trúc.
      - + Quyết định bổ nhiệm, giao kiêm nhiệm cán bộ lãnh đạo, điều hành: 02 phó giám đốc công ty; 06 cấp trưởng đơn vị; gần 10 cấp phó đơn vị và tương đương..
      - + Tuyển dụng: 07 lao động mới.
  - Lãnh đạo, kiểm soát và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài sản:
    - nỗ lực thực hiện tốt vai trò chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2019;
    - Chủ động đảm bảo tài chính để thực hiện các công việc;
      - Trực tiếp chỉ đạo các dự án lớn như thực hiện các biện pháp khẩn cấp chống thu hồi tiền tạm ứng Muối Lào từ phía ngân hàng và chủ đầu tư; đấu tranh pháp lý Dự án Muối Lào tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam; trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện dự án NPK Cà Mau.
  - Đối chiếu với các mục tiêu chính của năm 2019, HĐQT đánh giá như sau:
    - Công tác cổ đông: Đáp ứng yêu cầu thông tin tới cổ đông nhưng cổ tức chưa đạt theo yêu cầu của cổ đông.
    - Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh: Khá.
    - Công tác tiếp thị: Khá.
    - Xây dựng quy chế và kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác: Trung bình.
    - Công tác tái cấu trúc Công ty và chi nhánh: Tốt.
    - Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Khá.
  - Đánh giá hoạt động của Giám đốc Công ty
    - Về quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn: Trung bình.
    - Về quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Trung bình.
    - Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và chi nhánh: Khá.
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**
- Mục tiêu chính:
    - Hoàn thành kế hoạch SXKD do ĐHCĐ giao.
    - Tăng cường tối đa các nguồn thu có thể như cho thuê mặt bằng, thu nhập từ hoạt động tài chính; khống chế chi phí để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận.



- Tiếp tục đề án tái cơ cấu về mặt tổ chức và lao động.

- Dự kiến chương trình hoạt động của HĐQT năm 2020

- Tháng 2,3: Thông qua kế hoạch tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020; Chỉ đạo ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch trình ĐHĐCĐ; đơn đốc công tác quyết toán và lập Báo cáo tài chính.

- Tháng 4: Xem xét BCTC năm 2019 và kết quả kiểm toán; Thông qua các văn bản trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020; Chỉ đạo người đại diện phần vốn tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 tại các công ty con; xem xét kết quả hoạt động quý I và kế hoạch triển khai quý II.

- Tháng 6,7: Triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ; xem xét kết quả hoạt động quý II và kế hoạch triển khai quý III; Kiểm tra công tác tiếp thị

- Tháng 9: Xem xét kết quả hoạt động quý III và kế hoạch triển khai quý IV; các biện pháp bảo đảm vốn và đầu tư; Thảo luận các biện pháp tăng cường tài chính, đơn đốc doanh thu.

- Tháng 11, 12: Các biện pháp bảo đảm doanh thu, lợi nhuận. Rà soát hoạt động của HĐQT, BKS trong năm và chương trình hoạt động năm sau; Tổng kết công tác quản trị Công ty.

- Trọng tâm hoạt động:

- Kiểm soát sát sao công tác sản xuất kinh doanh và quản trị công ty.

- Kiểm soát, bảo toàn vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

- Tăng cường chỉ đạo công tác đấu tranh pháp lý dự án Muối Lào và hoàn thành bàn giao dự án NPK Cà Mau.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để hạn chế tình trạng thất thoát nguồn nhân lực, song song với tinh giản bộ máy.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

- ❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

**Bảng 14:** Danh sách thành viên HĐQT

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Thủy Nguyên
2	Phó Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
3	Thành viên HĐQT	Ông Vũ Minh Ngọc

- ❖ Lý lịch thành viên:

Họ và tên	:	Nguyễn Thủy Nguyên
Số hộ chiếu	:	011691926 cấp ngày 25/07/2007 tại Công an Hà Nội
Giới tính	:	Nam



Ngày tháng năm sinh : 29/03/1958  
Quốc tịch : Việt Nam  
Quê quán :  
Hộ khẩu thường trú : Số 33 phố Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Chỗ ở hiện tại : Số 33 phố Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy hóa

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty vận tải Thủy (VIVASO)
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 570.883 cổ phiếu – chiếm 9,55% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên : **Nguyễn Mạnh Hùng**

Đã nêu trong phần lý lịch Ban Giám đốc

Họ và tên : **Vũ Minh Ngọc**

Số hộ chiếu : 010081000027 cấp ngày 27/01/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Giới tính : Nam





Ngày tháng năm sinh : 17/4/1981  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Quê quán :  
 Hộ khẩu thường trú : Tổ 26, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Tp.Hà Nội.  
 Chỗ ở hiện tại : Tổ 26, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Tp.Hà Nội.  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

**Quá trình công tác****Thời gian****Quá trình công tác**

Từ tháng 5/2005 đến tháng 4/2009	Chuyên viên Ban Quản lý dự án DAP Hải Phòng – Tập đoàn hóa chất Việt Nam
Từ tháng 4/2009 đến tháng 12/2010	Chuyên viên Ban Quản lý dự án Đạm Ninh Bình – Tập đoàn hóa chất Việt Nam
Từ 02/2011 đến nay	Chuyên viên Ban Đầu tư xây dựng - Tập đoàn hóa chất Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không.
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 1.787.492 cổ phiếu - chiếm 29,91% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

**❖ Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:**

Tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, ĐHĐCĐ đã biểu quyết miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Hiên Ngang và ông Đinh Đức Bộ do có Đơn xin từ nhiệm. ĐHĐCĐ cũng thông qua cơ cấu HĐQT thay đổi từ 5 thành viên xuống 3 thành viên và bầu bổ sung ông Vũ Minh Ngọc - Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tham gia HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016-2021.



Ngày 06/5/2019, HĐQT Công ty đã họp và thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thủy Nguyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay ông Nguyễn Mạnh Hùng. Ông Nguyễn Thủy Nguyên cũng là đồng đại diện theo pháp luật của Công ty cùng với Giám đốc Công ty. Ông Nguyễn Mạnh Hùng được HĐQT thống nhất bầu giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016-2021.

❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:** Trong năm 2019 HĐQT đã tiến hành họp 6 phiên cụ thể:

**1. Phiên III.15, họp ngày 02/01/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

- Nghe Giám đốc Công ty báo cáo tình hình liên quan đến dự án Muối Lào và nhân sự trong Ban Giám đốc.

- HĐQT xin chỉ đạo của HĐQT về định hướng khoán lợi nhuận cho các công ty con và cả chi nhánh trong năm 2019.

- HĐQT báo cáo tình hình khai thác cơ sở vật chất tại nhà Trần Đình Xu và 22 Lý Tự Trọng.

**2. Phiên III.16, họp ngày 22/02/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

- Thông qua Tờ trình của Giám đốc Công ty về việc gia hạn hạn mức tín dụng tại BIDV - Chi nhánh Ba Đình với giá trị tối đa 300 tỷ đồng.

- Thông qua chương trình khung và kế hoạch chuẩn bị hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019; Quyết định ngày chốt quyền dự hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Nghe báo cáo tình hình thực hiện Dự án NPK Cà Mau và tình hình đấu tranh pháp lý Dự án Muối Lào.

- Thảo luận về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và xem xét chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 theo Tờ trình của HĐQT.

**3. Phiên III.17, họp ngày 08/4/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

- Thông qua nội dung và các tài liệu trình hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019; Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại các công ty con về việc tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

- Giám đốc Công ty báo cáo tình hình thực hiện dự án NPK Cà Mau (Kế hoạch chi phí cập nhật; Tiến độ cập nhật đến nay so với báo cáo tiến độ ngày 22/2/2019; Kế hoạch khắc phục tiến độ trong thời gian tới).

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý I và kế hoạch triển khai quý II năm 2019.

- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ gồm: phương hướng quy hoạch lại các bộ phận; xem xét Đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của ông Đỗ Hiên Ngang và ông Đinh Đức Bộ; Xem xét nhân sự đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT và nhân sự Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.



**4. Phiên III.18, họp ngày 06/5/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

- Thay đổi chủ tịch HĐQT Công ty (ông Nguyễn Thủy Nguyên thay ông Nguyễn Mạnh Hùng); Bầu ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ 2016-2021.

- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty (tăng từ 01 người lên 02 người gồm ông Nguyễn Thủy Nguyên - Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Công Thắng - GDCT).

**5. Phiên III.19, họp ngày 05/10/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

- Việc HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Thảo luận về một số vấn đề về quản trị công ty khác.

**6. Phiên III.20, họp ngày 11/11/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung**

- Việc đứng tên chủ tài khoản và thực hiện các giao dịch liên quan tới ngân hàng, thu xếp nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**2. Ban kiểm soát**

**❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**

**Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Kiểm soát viên	Bà Trương Thị Minh Thu
2	Kiểm soát viên	Bà Trần Thị Minh Trang

**❖ Lý lịch thành viên**

Họ và tên	: Trương Thị Minh Thu
Số CMND	: 013014266, cấp ngày 03/11/2011. Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 24/6/1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đà Nẵng.
Hộ khẩu thường trú	: P.109, TT.Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, P.Hàng Bột, Q.Đống Đa, TP Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	: P.2705, Tòa A, Chung cư Mulberry Lane, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 12/12



Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán; Cử nhân Luật; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác**
**Thời gian**
**Quá trình công tác**

- Từ 11/2000-12/2002 : Nhân viên văn phòng, Trung tâm Thiết bị dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề
  - Từ 12/2002-11/2003 : Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Việt Vương.
  - Từ 11/2005-8/2007 : Nhân viên Phòng Dự án tại Công ty TNHH 3C Công nghiệp.
  - Từ 8/2007-3/2013 : Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
  - Từ 4/2013-10/2013 : Phó Trưởng Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
  - Từ 11/2013-05/2016 : Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
  - Từ 05/2016-04/2017 : Trưởng BKS chuyên trách Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
  - Từ 05/2017-02/2018 : Kiểm soát viên, Phó trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
  - Từ 03/2018-10/2019 : Kiểm soát viên, Phó trưởng Phòng Kế hoạch thị trường - Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
  - Từ 10/2019 đến nay : Kiểm soát viên, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kiểm soát viên.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng BKS Công ty CP CECO Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ : - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ  
- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của người có liên quan : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không



Họ và tên : **Trần Thị Minh Trang**  
Số CMND : 162598971 cấp ngày 09/08/2001 tại Công an Nam Định  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 16/02/1985  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Nam Định  
Hộ khẩu thường trú : 11/3/469 Trần Huy Liệu, P. Văn Miếu. TP. Nam Định  
Chỗ ở hiện tại : Số 11, ngách 20, ngõ 1 phố Đại Linh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ 8/2008 tới 12/2008	Công việc: kế toán lương Đơn vị công tác: (Phòng Kế toán) Công ty TNHH FASHIONLINE SAIGON Địa chỉ: Số 11, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam – Singapo, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương)
Từ 01/2009 đến 12/2009	Công việc: kế toán công nợ nước ngoài Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH YOUNGONE Nam Định Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định
Từ 02/2010 đến tháng 8 năm 2012	Công việc: kế toán tổng hợp/kế toán thuế Đơn vị công tác: (Phòng Kế toán) Công ty TNHH Long Thành Hưng Yên Địa chỉ: đường Mễ Trì kéo dài, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Từ 10/2012 đến 03/2013	Công việc: kế toán quản trị Đơn vị công tác: (Phòng Kế toán – Tài chính) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2013 đến 11/2014	Công việc: công tác mua sắm/ thư ký dự án Đơn vị công tác: (Phòng quản lý dự án DAP2) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 03/2014 đến 12/2017	Công việc: kiểm toán nội bộ/thư ký lãnh đạo/công tác cổ đông Đơn vị công tác: (Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2016 đến 12/2017	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 01/2018 đến	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Kế hoạch và Thị trường



10/2019	Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 10/2019 đến nay	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Kế hoạch - Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Kiểm soát viên.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ. - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

❖ **Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:**

Ngày 23/12/2019 ĐHĐCĐ đã thông qua nghị quyết sau khi lấy ý kiến bằng văn bản về việc miễn nhiệm tư cách trưởng BKS, kiểm soát viên đối với bà Trương Thanh Vân do có đơn xin từ nhiệm. ĐHĐCĐ cũng thông qua phương án giữ nguyên cơ cấu 2 kiểm soát viên như hiện tại và sẽ bầu bổ sung tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020.

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp, cụ thể:

- **Phiên 13 họp ngày 04/4/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Đánh giá, giám sát hoạt động, kết quả SXKD năm 2018 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty;

+ Đánh giá, giám sát của BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành trong năm 2018.

+ Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS năm 2018.

+ Lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2019.

+ Thông qua toàn văn dự thảo Báo cáo của BKS trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019.

- **Phiên 14 họp ngày 27/4/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**



+ Đánh giá, giám sát hoạt động, kết quả SXKD 3 tháng đầu năm 2019 và dự kiến kế hoạch SXKD 9 tháng cuối năm 2019.

+ Đánh giá, giám sát đối với HĐQT, GDCT và bộ máy điều hành về kết quả quản lý, điều hành Công ty 3 tháng đầu năm 2019.

+ Một số kiến nghị của BKS.

**- Phiên 15 họp ngày 30/7/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Đánh giá, giám sát hoạt động, kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và dự kiến kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2019.

+ Đánh giá, giám sát đối với HĐQT, GDCT và bộ máy điều hành về kết quả quản lý, điều hành Công ty 6 tháng đầu năm 2019.

+ Một số kiến nghị của BKS.

**- Phiên 16 họp ngày 15/11/2019 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Xem xét Đơn từ nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên của bà Trương Thanh Vân;

+ Phương án trình ĐHĐCĐ bầu bổ sung 01 kiểm soát viên.

**- Đánh giá các phiên họp của BKS**

+ Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự. Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.

+ Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch,... Các thành viên BKS đã chất vấn đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

**- Lương:**

+ Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm nhiệm vụ chuyên trách, Ban Giám đốc hưởng lương theo Quy chế Lương của Công ty. Hệ số để tính lương của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách bằng Giám đốc Công ty, của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách tương đương Phó giám đốc Công ty.

+ Các thành viên HĐQT không hưởng lương, chỉ có thù lao theo phiên họp. Trường hợp kiêm nhiệm công tác điều hành thì được hưởng lương theo vị trí điều hành.

+ Các kiểm soát viên không hưởng lương, chỉ có thù lao theo phiên họp.

- **Thưởng:** Năm 2019 do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, không hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao nên HĐQT không đề xuất chi thưởng cho HĐQT và

ban điều hành.

- **Thù lao:** Các thành viên trong HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, cụ thể:

**Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS năm 2019**

Nội dung	Thù lao/01 phiên họp	Năm 2019 (VNĐ)
<b>I. Mức thù lao của HĐQT</b>	1.000.000 đồng	0 đồng
<b>II. Mức thù lao của BKS</b>	500.000 đồng	0 đồng
<b>Tổng cộng mức thù lao trả/năm</b>		<b>0 đồng</b>

Năm 2019, HĐQT triệu tập họp 6 phiên và BKS triệu tập họp 4 phiên. Tuy nhiên, do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh hạn chế, phải tiết giảm nhiều chi phí nên HĐQT chưa chi khoản thù lao năm 2019 cho các thành viên HĐQT, BKS và thư ký Công ty.

b) *Giao dịch của cổ đông nội bộ:*

**Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1.	Đình Đức Bộ	CĐNB	1.000	0,02	800	0,013	Bán cổ phiếu

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD gửi chốt ngày 05/3/2020 và các bản CBTT)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.*

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

HĐQT và ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ công ty, các quy định về quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán**

(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này).

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Công Chấn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40



# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKDN)	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên từ 01/01/2019 - 6/5/2019 - Bỏ nhiệm Chủ tịch từ ngày 07/05/2019
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch từ 01/01/2019- 06/05/2019 - Bỏ nhiệm Phó Chủ tịch từ 07/05/2019
Ông Vũ Minh Ngọc	Ủy viên từ 25/04/2019
Ông Đỗ Hiên Ngang	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019

#### Ban kiểm soát

Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban từ 01/01/2019-23/12/2019
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 29/10/2019
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 08/10/2019.
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Công Thắng**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020



Số: 366/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

---

**Bùi Thị Thúy****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>481.466.912.262</b>	<b>562.580.512.647</b>
<b>I- Tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>32.482.882.878</b>	<b>72.162.473.810</b>
1. Tiền	111		9.300.100.600	54.139.150.336
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.182.782.278	18.023.323.474
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>234.898.212.078</b>	<b>301.567.051.038</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	146.734.979.008	83.419.765.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	29.558.436.506	62.769.463.416
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.4	48.018.576.606	141.692.399.477
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.392.576.512	15.491.778.735
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>201.321.947.230</b>	<b>188.792.033.050</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	201.441.403.379	188.911.489.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(119.456.149)	(119.456.149)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.763.870.076</b>	<b>58.954.749</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	371.532.225	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.9	10.784.283.978	56.254.749
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	1.608.053.873	2.700.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>25.414.332.333</b>	<b>26.317.328.528</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>277.764.033</b>	<b>52.842.865</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	277.764.033	52.842.865
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.696.362.706</b>	<b>18.189.082.422</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	14.854.478.008	16.069.020.575
- Nguyên giá	222		45.555.165.335	43.642.943.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.700.687.327)	(27.573.923.215)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.841.884.698	2.120.061.847
- Nguyên giá	228		6.074.916.400	6.074.916.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.233.031.702)	(3.954.854.553)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.544.376.315</b>	<b>2.015.171.232</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.544.376.315	2.015.171.232
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.13	<b>4.854.045.227</b>	<b>4.831.869.296</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.216.045.227	3.193.869.296
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.041.784.052</b>	<b>1.228.362.713</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.041.784.052	1.228.362.713
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>506.881.244.595</b>	<b>588.897.841.175</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

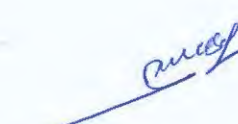
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>406.581.066.577</b>	<b>489.655.977.663</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>406.581.066.577</b>	<b>489.598.217.663</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	66.705.990.134	33.107.393.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	186.160.221.328	213.144.482.439
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.16	2.233.028.175	10.398.996.972
4. Phải trả người lao động	314		4.079.018.662	2.355.892.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	24.693.598.842	119.830.283.907
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.891.886.909	673.828.870
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	120.561.677.840	109.831.694.360
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		255.644.687	255.644.687
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>57.760.000</b>
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	-	57.760.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>100.300.178.018</b>	<b>99.241.863.512</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>100.300.178.018</b>	<b>99.026.833.512</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.536.882.376	18.536.882.376
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.467.032.004	6.720.352.601
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.720.352.601	2.393.035.934
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		746.679.403	4.327.316.666
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	14.525.903.638	13.999.238.535
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	5.20	-	<b>215.030.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	215.030.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (450 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>506.881.244.595</b>	<b>588.897.841.175</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	335.036.759.866	404.037.368.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	-	47.915.116
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	335.036.759.866	403.989.453.488
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	308.356.495.397	372.935.114.377
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>26.680.264.469</b>	<b>31.054.339.111</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	1.939.483.272	2.668.223.791
7. Chi phí tài chính	22	5.25	10.570.992.296	2.226.506.849
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.448.070.073</i>	<i>1.392.100.603</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		22.175.931	12.101.814
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	18.420.361.814	25.550.937.786
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(349.430.438)</b>	<b>5.957.220.081</b>
12. Thu nhập khác	31	5.27	2.656.241.238	925.960.771
13. Chi phí khác	32	5.27	611.279.476	875.213.802
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.044.961.762</b>	<b>50.746.969</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.695.531.324</b>	<b>6.007.967.050</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	422.186.818	1.387.113.574
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.273.344.506</b>	<b>4.620.853.476</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		746.679.403	4.327.316.666
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		526.665.103	293.536.810
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	125	724

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

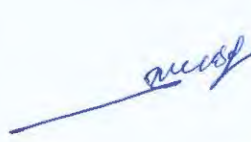
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.695.531.324	6.007.967.050
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.404.941.261	4.310.516.930
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.544.575	(175.320.800)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.812.287.442)	(2.513.793.012)
- Chi phí lãi vay	06		10.690.070.073	2.166.508.892
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.030.799.791	9.795.879.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.849.076.373	(153.171.017.705)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.529.914.180)	(11.503.858.075)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(91.512.279.691)	60.206.888.618
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.184.953.564)	127.466.665
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.690.070.073)	(2.166.508.892)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(763.767.257)	(391.585.937)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.628.288.118	6.890.184.626
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.074.870.274)	(7.094.633.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(52.247.690.757)	(97.307.185.475)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.912.221.545)	(2.151.812.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.943.181.818	259.545.455
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.071.991.425
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		1.869.105.624	2.513.793.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.900.065.897	2.693.517.567
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		351.581.316.249	182.960.238.457
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(340.909.092.769)	(97.968.429.434)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(352.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.672.223.480	84.639.009.023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39.675.401.380)	(9.974.658.885)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		72.162.473.810	82.137.132.695
Ảnh hưởng của TD TGHE quy đổi ngoại tệ	61		(4.189.552)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	32.482.882.878	72.162.473.810

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.770.360.000 đồng. Cổ đông Sở hữu vốn trong Công ty tại ngày chốt danh sách 05/03/2020:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%
<b>Tổng</b>	<b>5.977.036</b>	<b>59.770.360.000</b>	<b>100,00%</b>

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CECO

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Số lao động của Công ty mẹ tại 31/12/2019 là : 97 người (tại 01/01/2019 là 158 người).

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 24/06/2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;



1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chi hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường...

010  
NG  
NH  
MT  
VIE  
1A1



**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con, Công ty liên kết như sau:

<b>Góp vốn</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Vốn đầu tư (VND)</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	3.060.000.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	12.408.500.000	55,33%	55,33%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học	1.600.000.000	100,00%	100,00%
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây dựng công trình	3.060.000.000	36,40%	36,40%
<b>Đầu tư khác</b>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		1.638.000.000	1,14%	1,14%

**Các Chi nhánh trực thuộc**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Địa chỉ: Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh

**Các chi nhánh đã tiến hành giải thể tình hình giải thể như sau:**

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất tại Hà Nội

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 11/06/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 01/07/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng

Số 1/70 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất ra Quyết định số 386/QĐ-CECO về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng từ ngày 01/01/2016. Chi nhánh Hải Phòng đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục đóng mã số thuế.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính Hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng nhóm Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính .

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua Quyền sử dụng đất và Phần mềm máy tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)**

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

##### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

###### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

###### ***Hợp đồng xây dựng***

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:  
Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là: các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết kế, cung cấp thiết bị công nghiệp, xây dựng, tư vấn thiết kế và dịch vụ khác... hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và Lào. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo bộ phận kinh doanh và khu vực địa lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	8.007.464.507	2.691.523.555
Tiền gửi ngân hàng	1.292.636.093	51.447.626.781
Các khoản tương đương tiền	23.182.782.278	18.023.323.474
<b>Tổng</b>	<b>32.482.882.878</b>	<b>72.162.473.810</b>

**5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>146.734.979.008</b>	<b>83.419.765.964</b>
<b>Các bên liên quan</b>		
- Công ty CP DAP số 2	37.406.795.821	37.533.684.321
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
- Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	91.529.400	47.250.000
<b>Bên khác</b>		
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	59.153.640.537	-
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	-	9.762.673.557
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.359.894.604	6.195.747.847
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	5.053.635.596	1.741.850.897
- Tổng công ty Phát điện 1	9.798.428.566	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	-	3.915.102.429
- Các khách hàng khác	27.980.492.182	20.332.894.611
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>146.734.979.008</b>	<b>83.419.765.964</b>



**5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.558.436.506</b>	<b>62.769.463.416</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	-	11.742.636.850
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	5.685.869.182	7.953.287.146
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	-	7.447.127.325
Công ty TNHH cung ứng CAD	-	5.401.783.288
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	-	3.607.172.878
Công ty IMECO	-	2.732.723.140
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	-	2.689.830.000
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	-	2.516.910.000
Công ty cổ phần ECOWISE	7.994.456.250	1.598.891.250
Công ty TNHH vận tải và Dịch vụ VT3	7.075.254.225	1.273.781.868
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Trả trước các đối tượng khác	6.575.112.662	13.577.575.484
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>29.558.436.506</b>	<b>62.769.463.416</b>

**5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	556.178.492.078	327.385.938.117
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.238.148.963	18.284.533.435
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	573.416.641.041	345.670.471.552
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của	(525.398.064.435)	(203.978.072.075)
<b>Nợ còn lại (a+b+d)</b>	<b>48.018.576.606</b>	<b>141.692.399.477</b>

**5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.392.576.512</b>	-	<b>15.491.778.735</b>	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	25.585.653	-	44.124.035	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	11.609.018	-	19.213.109	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.735.053	-	30.000.000	-
Tạm ứng	11.136.562.474	-	13.197.174.666	-
Phải thu khác	1.183.084.314	-	2.201.266.925	-
<b>Dài hạn</b>	<b>277.764.033</b>	-	<b>52.842.865</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	277.764.033	-	52.842.865	-
<b>Tổng</b>	<b>12.670.340.545</b>	-	<b>15.544.621.600</b>	-

**5.6 NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó số đã dự phòng:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp				1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai				200.000.000
Khác				466.079.554
<b>Tổng</b>				<b>1.806.356.554</b>

**5.7 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.555.004.424	-	1.234.511.379	-
Công cụ, dụng cụ	154.559.942	-	130.030.175	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	199.703.777.771	(119.456.149)	187.518.886.403	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	28.061.242	-
<b>Tổng</b>	<b>201.441.403.379</b>	<b>(119.456.149)</b>	<b>188.911.489.199</b>	<b>(119.456.149)</b>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Dự án Muối Lào) (*)	156.054.741.018	156.799.554.207
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	14.999.038.415	11.377.742.109
Các Dự án khác	28.530.542.189	19.222.133.938
<b>Tổng</b>	<b>199.584.321.622</b>	<b>187.399.430.254</b>

Theo thông báo số VLSC(H)/TTCL(H) - L 0 4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) - đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN – ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo qui định của hợp đồng

Tại ngày phát hành báo cáo: Chủ đầu tư và nhà thầu đã có văn bản chấm dứt hợp đồng; các bên đang giải quyết vấn đề pháp lý khi chấm dứt hợp đồng để tiến tới quyết toán và thanh lý hợp đồng, VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng. Hiện tại Các Nhà thầu đang kiện VILACHEMSALT tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.



**5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	371.532.225	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	356.890.649	-
Chi phí khác chờ phân bổ	14.641.576	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.041.784.052</b>	<b>1.228.362.713</b>
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	2.041.784.052	1.228.362.713
<b>Tổng</b>	<b>2.413.316.277</b>	<b>1.228.362.713</b>

**5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	58.954.749	51.974.267.228	41.248.937.999	10.784.283.978
Thuế TNDN nộp thừa	-	1.593.406.235	-	1.593.406.235
Thuế TNCN nộp thừa	-	15.868.866	1.221.228	14.647.638
<b>Tổng</b>	<b>58.954.749</b>	<b>53.583.542.329</b>	<b>41.250.159.227</b>	<b>12.392.337.851</b>

HÀN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT  
hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
LIÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác
Giá trị				
01/01/2019	16.459.594.498	12.230.516.502	11.860.717.353	3.092.115.437
Trong năm	-	1.912.221.545	-	-
Trong năm	-	1.912.221.545	-	-
31/12/2019	16.459.594.498	14.142.738.047	11.860.717.353	3.092.115.437
Giá trị còn lại				
01/01/2019	10.201.646.463	6.748.159.486	9.026.559.529	1.597.557.737
Trong năm	540.093.934	1.144.307.573	1.291.213.139	164.967.917
Trong năm	540.093.934	1.144.307.573	1.278.765.656	163.596.949
lại	-	-	12.447.483	1.370.968
Trong năm	13.818.451	-	-	-
lại	13.818.451	-	-	-
31/12/2019	10.727.921.946	7.892.467.059	10.317.772.668	1.762.525.654
Giá trị thuần				
01/01/2019	6.257.948.035	5.482.357.016	2.834.157.824	1.494.557.700
31/12/2019	5.731.672.552	6.250.270.988	1.542.944.685	1.329.589.783

Giá trị TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 22.218.549.561 đồng.  
Giá trị TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 3.562.132.612 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại 01/01/2019	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<u>1.658.166.400</u>	<u>4.416.750.000</u>	<u>6.074.916.400</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại 01/01/2019	192.104.649	3.762.749.904	3.954.854.553
Tăng trong năm	40.443.084	237.734.065	278.177.149
Khấu hao trong năm	40.443.084	237.734.065	278.177.149
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<u>232.547.733</u>	<u>4.000.483.969</u>	<u>4.233.031.702</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2019	<u>1.466.061.751</u>	<u>654.000.096</u>	<u>2.120.061.847</u>
Tại 31/12/2019	<u>1.425.618.667</u>	<u>416.266.031</u>	<u>1.841.884.698</u>

**5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí xây dựng, lắp đặt và sửa chữa tài sản.	1.544.376.315	2.015.171.232
<b>Tổng</b>	<u>1.544.376.315</u>	<u>2.015.171.232</u>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

**HÀN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**TOÁN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tỷ lệ			31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
ty liên doanh liên kết				3.216.045.227			3.193.869.296
Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.216.045.227	(*)		3.193.869.296
khác				1.638.000.000			1.638.000.000
Công nghiệp Hóa Chất Tây	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)		1.638.000.000
				<b>4.854.045.227</b>			<b>4.831.869.296</b>

Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do các Công ty này chưa  
 mục Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá để xác  
 đầu tư dài hạn.



5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>66.705.990.134</b>	<b>66.705.990.134</b>	<b>33.107.393.440</b>	<b>33.107.393.440</b>
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Công ty CP CECO Hà Nội	3.417.346.999	3.417.346.999	5.930.928.912	5.930.928.912
Công ty CP DAP Số 2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	13.949.683.249	13.949.683.249	-	-
K-UTEC AG Salt Technologies	10.116.180.360	10.116.180.360	10.182.466.008	10.182.466.008
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	-	-	1.793.908.000	1.793.908.000
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	2.034.284.071	2.034.284.071	-	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-
Các đối tượng khác	33.013.685.518	33.013.685.518	13.797.280.583	13.797.280.583
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>66.705.990.134</b>	<b>66.705.990.134</b>	<b>33.107.393.440</b>	<b>33.107.393.440</b>

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>186.160.221.328</b>	<b>213.144.482.439</b>
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	181.811.804.911
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	25.266.521.017
Các khách hàng khác	4.348.416.417	6.066.156.511
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>186.160.221.328</b>	<b>213.144.482.439</b>

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát giảm trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	9.430.733.839	54.620.067.262	62.357.435.943	1.693.365.158
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.317.045	11.317.045	-
Thuế TNDN	776.819.568	422.186.818	763.767.257	435.239.129
Thuế TNCN	110.814.461	274.458.615	295.462.135	89.810.941
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	820.926.647	820.926.647	-
Các loại thuế khác	80.629.104	210.596.938	276.613.095	14.612.947
<b>Tổng</b>	<b>10.398.996.972</b>	<b>56.359.553.325</b>	<b>64.525.522.122</b>	<b>2.233.028.175</b>

**5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.693.598.842</b>	<b>119.830.283.907</b>
- Dự án Đạm Cà Mau	22.749.678.285	119.072.639.953
- Trích trước tiền lương phải trả các công trình	844.981.533	-
- Các Dự án, Công trình khác	149.673.820	581.092.209
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	949.265.204	176.551.745
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>24.693.598.842</b>	<b>119.830.283.907</b>

**5.18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.891.886.909</b>	<b>673.828.870</b>
Kinh phí công đoàn	365.682.170	14.277.937
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	724.370.917	126.971.220
Lãi vay phải trả ngân hàng	55.810.977	131.758.358
Bảo hiểm thất nghiệp	16.782.838	7.663.220
Dư có TK 141	-	100.954.400
Phải trả khác	729.240.007	292.203.735
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.891.886.909</b>	<b>673.828.870</b>





**HÀN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**I BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Ngoại thương Hà Nội (2)	120.561.677.840	120.561.677.840	351.581.316.249	340.677.992.769	109.658.354.360
Thương Việt Nam	47.567.857.755	47.567.857.755	210.401.092.326	229.932.079.628	67.098.845.057
	-	-	25.964.903.838	52.360.581.885	26.395.678.047
Đội - CN Hoàn Kiếm tài thủy - CTCP (3)	11.995.746.287	11.995.746.287	26.217.246.287	24.219.280.168	9.997.780.168
Liên hiệp XD Vạn Cường (3)	1.748.073.798	1.748.073.798	1.748.073.798	3.126.051.088	3.126.051.088
hạn trả	42.700.000.000	42.700.000.000	70.700.000.000	28.000.000.000	-
Đội - CN Hoàn Kiếm	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-
Đội - CN Hoàn Kiếm	8.050.000.000	8.050.000.000	8.050.000.000	3.040.000.000	3.040.000.000
	-	-	-	173.340.000	173.340.000
	-	-	-	173.340.000	173.340.000
	-	-	-	57.760.000	57.760.000
	-	-	-	57.760.000	57.760.000
	<b>120.561.677.840</b>	<b>120.561.677.840</b>	<b>351.581.316.249</b>	<b>340.909.092.769</b>	<b>109.889.454.360</b>

g cấp tín dụng hạn mức số 01/2019/6401629/HĐTD ngày 06/03/19, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 290.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn h  
 vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác đ  
 dụng cụ thế. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

g cấp tín dụng số 01/2019/CTD/VCBHN-CECO ngày 30/08/19. Hạn mức tín dụng là: 13.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn h  
 Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng c  
 gồm: 01. Tài khoản tiền gửi số 0025000948404 trị giá: 1 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 02. Tài khoản tiền gửi số 0025000  
 mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 03. 5 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2018/HĐTC/VCBH  
 , giá trị 5 xe ô tô theo biên bản định giá lại tài sản tháng 7/2019 là 5.270.000.000 đồng.

in vay vốn bổ sung vốn lưu động, của pháp nhân không tính lãi, vay cá nhân với lãi suất tối đa 10,5%/năm.



**HÀN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**I BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Ủ SỞ HỮU**

**Chiều biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Ngày 01/01/2018	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008
Trong năm	-	10.742.089	4.327.316.666	-
Trong năm	-	-	4.327.316.666	-
Trong năm	-	-	-	-
Trong năm	-	10.742.089	-	-
Trong năm	-	-	63.600.240	110.048.473
Trong năm	-	-	-	-
Trong năm	-	-	63.600.240	-
Trong năm	-	-	-	-
Trong năm	-	-	-	110.048.473
Ngày 31/12/2018	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535
Ngày 01/01/2019	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535
Trong năm	-	-	746.679.403	-
Trong năm	-	-	746.679.403	-
Trong năm	-	-	-	-
Trong năm	-	-	-	(526.665.103)
Trong năm	-	-	-	-
Trong năm	-	-	-	(526.665.103)
Ngày 31/12/2019	59.770.360.000	18.536.882.376	7.467.032.004	14.525.903.638



**5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận
				31/12/2019 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%	23.817.210.000
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%	3.139.410.000
<b>Tổng</b>	<b>5.977.036</b>	<b>59.770.360.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>59.770.360.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	63.600.240

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	5.977.036	5.977.036
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP*

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.536.882.376	18.536.882.376
<b>Tổng</b>	<b>18.536.882.376</b>	<b>18.536.882.376</b>

**5.21 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của Cổ đông không kiểm soát	12.956.500.000	12.956.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	501.472.020	501.472.020
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.067.931.618	541.266.515
<b>Tổng</b>	<b>14.525.903.638</b>	<b>13.999.238.535</b>

**5.22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ (USD)	1.147	6.834
Ngoại tệ (LAK)	100	100
Ngoại tệ (EUR)	2.472	380

**5.23 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	290.692.498.766	370.243.867.056
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế, đánh giá môi trường	38.711.278.736	30.331.977.478
Doanh thu Bán hàng	782.439.000	-
Doanh thu thi công và cho thuê nhà	4.850.543.364	3.461.524.070
<b>Tổng</b>	<b>335.036.759.866</b>	<b>404.037.368.604</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu ( <i>chiếu khấu bán hàng</i> )	-	47.915.116
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>335.036.759.866</b>	<b>403.989.453.488</b>

**5.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	285.640.766.504	334.731.655.455
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế, đánh giá môi trường	19.593.084.232	35.325.967.357
Giá vốn bán hàng	622.857.111	-
Giá vốn thi công và cho thuê nhà	2.499.787.550	2.877.491.565
<b>Tổng</b>	<b>308.356.495.397</b>	<b>372.935.114.377</b>



**5.25 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.869.105.624	2.464.837.325
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.377.648	203.386.466
<b>Tổng</b>	<b>1.939.483.272</b>	<b>2.668.223.791</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	10.448.070.073	2.166.508.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.189.552	32.856.831
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	118.732.671	25.507.928
Chi phí tài chính khác	-	1.633.198
<b>Tổng</b>	<b>10.570.992.296</b>	<b>2.226.506.849</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(8.631.509.024)</b>	<b>441.716.942</b>

**5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.570.667.119	10.863.067.703
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	359.909.697	356.864.789
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	553.889.481	1.147.151.303
Thuế, phí, lệ phí	830.926.647	1.282.235.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	8.104.968.870	11.901.618.777
<b>Tổng</b>	<b>18.420.361.814</b>	<b>25.550.937.786</b>

**5.27 THU NHẬP KHÁC / CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.943.181.818	48.955.687
Thu hợp tác sản xuất của CN Hồ Chí Minh	504.000.000	-
Xử lý nợ phải trả	-	81.322.000
Thu nhập cho thuê văn phòng	-	298.406.229
Các khoản khác	209.059.420	497.276.855
<b>Tổng</b>	<b>2.656.241.238</b>	<b>925.960.771</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền thuê nhà CN Hồ Chí Minh	487.303.668	-
Các khoản phạt và lãi chậm nộp	32.365.105	273.232.116
Chi phí khác	91.610.703	601.981.686
<b>Tổng</b>	<b>611.279.476</b>	<b>875.213.802</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>2.044.961.762</b>	<b>50.746.969</b>

**5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.695.531.324</b>	<b>6.007.967.050</b>
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN	415.402.765	927.600.820
- Các khoản điều chỉnh tăng	415.402.765	927.600.820
<b>Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường</b>	<b>2.110.934.089</b>	<b>6.935.567.870</b>
<i>Thuế suất</i>	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>422.186.818</b>	<b>1.387.113.574</b>

**5.29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>746.679.403</b>	<b>4.327.316.666</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	746.679.403	4.327.316.666
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	5.977.036	5.977.036
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>125</b>	<b>724</b>

**5.30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.351.649.060	223.382.747.509
Chi phí nhân công	48.786.879.494	36.786.129.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.404.941.261	4.311.639.657
Chi phí phải trả đã trích	22.749.678.285	119.734.993.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.945.179.018	49.771.716.762
Chi phí khác bằng tiền	4.415.424.486	2.764.408.527
<b>Tổng</b>	<b>350.653.751.604</b>	<b>436.752.635.914</b>



**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	-	200.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	-	72.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	573.351.809	1.480.692.380

**Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Giao dịch với bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	19.690.000	246.454.091
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	1.354.428.449	449.991.818
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.784.438.845
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	656.576.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	-	1.203.013.045
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.375.818.182
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ	487.303.668	589.090.909
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ	4.166.687.323	8.249.924.130

**Số dư các bên liên quan**

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2019</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2019</u> <u>VND</u>
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Phải thu khách hàng	37.406.795.821	37.406.795.821
	Phải trả người bán	-	1.402.809.937
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
	Phải trả người bán	-	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	91.529.400	-
	Người mua trả tiền trước	-	195.828.618
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	181.811.804.911
	Phải trả người bán	-	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	3.417.346.999	5.930.928.912
	Phải thu khác	-	1.586.590.000

HÀN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT  
hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

phần

chia theo hoạt động kinh doanh

ác công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:  
ộng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và  
ạt động khác./.

phần và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2019 như sau:

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ
bộ phận	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)
ur vào công ty liên kết	3.216.045.227	-	-
ng phân bổ			
của bộ phận	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)
không phân bổ			
ải trả			
úc ngày 31/12/2019			
i sản cố định hữu hình			
i sản cố định vô hình			





**HẢN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

ô phận (Tiếp theo)

ộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2018 như sau:

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ
	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)
	3.193.869.296	-	-
	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)

ộ phận  
 tư vào công ty liên kết  
 ông phần bỏ  
 ản  
 à của bộ phận  
 à không phân bổ  
 hải trả  
 hức ngày 31/12/2018  
 on  
 tài sản cố định hữu hình  
 tài sản cố định vô hình

31/12/2018



**PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**  
 hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**I BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 phần (Tiếp theo)

kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ
376.479.793.916	33.793.501.548	(6.283.841.976)
35.512.211.601	(4.409.957.374)	(47.915.116)

**Kết thúc ngày 31/12/2018**

doanh thu của bộ phận và kinh doanh của bộ phận  
 hi không phân bổ  
 uả từ các hoạt động kinh doanh  
 nhập khác  
 hi khác  
 chia lợi nhuận của công ty liên kết  
 hu nhập doanh nghiệp  
 huận thuần sau thuế

**ận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước Cộng hòa DCND Lào		Hợp n
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2019	31/12/2018	Tại ngày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	31/12/2018	
của bộ phận	335.036.759.866	403.989.453.488	156.054.741.018	156.799.554.207	335.036.759.866
a bộ phận	316.431.399.154	357.784.000.833			472.486.140.172
ông phân bổ					34.395.104.423
ôn					1.912.221.545

*(Handwritten marks)*

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

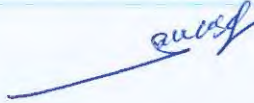
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Tuyết Chinh



Đinh Đức Bộ



Nguyễn Công Thắng

